

Số phiếu: 00420/2024/PKQ-THH (24.193)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HUNG NGHIỆP FORMOSA
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SE SỢI 4
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 25/01/2024
- Thời gian thử nghiệm : 26/01/2024 - 29/02/2024
- Ngày trả kết quả : 01/03/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240126.NT.014	Nước thải tại hố tập trung nước thải của nhà máy se sợi 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)	Nước thải
2	240126.NT.015	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m3/ngày của nhà máy Se Sợi 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyền 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00420/2024/PKQ-THH (24.193)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240126.NT.014)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,1	40
2	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	9,2	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	36	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,07	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	13	55
6	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	29	165
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8	110
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,11
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,011
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0010)	0,55
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,11
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	2,2
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,17	5,5
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	5,1	11
15	Dầu mỡ động thực vật ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	-
16	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,11	11

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00420/2024-THH-QC-THH (24.193)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
17	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	26,8	11
18	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	28,4	44
19	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,74	6,6
20	Clo Du ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	KPH (MDL=0,30)	2,2
21	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,1 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 240126.NT.014: Nước thải tại hố tập trung nước thải của nhà máy se sợi 2 trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải nhà máy sợi Polyetser (NT1) (X = 1187010; Y = 411294)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh / Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, Khu Phố 4, Phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, Khu Phố Đông Thành, Phường Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh: Đường Huyền 87, Ấp Bình Phong, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 00420/2024/PKQ-THH (24.193)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240126.NT.015)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	33,2	40
2	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	5,9	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	KPH (MDL=2,5)	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,26	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4	60,5
6	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10	181,5
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	121
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,121
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,0121
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0010)	0,605
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,121
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	2,42
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,14	6,05
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	12,1
15	Dầu mỡ động thực vật ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	-
16	Florua (F ⁻) ^(b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,36	12,1

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00420/2024/TKO-THH (24.193)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1
17	Amoni (NH ₄) ^(a,b) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,66	12,1
18	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	4,1	48,4
19	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,14 (LOQ=0,14)	7,26
20	Clo Du ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	KPH (MDL=0,30)	2,42
21	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	9,2 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,1: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 240126.NT.015: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất, 459m³/ngày của nhà máy Se Sợi 2 (NT3) (X = 1187017; Y = 411285)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/PKQ-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HÙNG NGHIỆP FORMOSA
- Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SE SỢI-GIAI ĐOẠN 1
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch III – Thị Trấn Hiệp Phước,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Ngày lấy mẫu : 30/01/2024
- Thời gian thử nghiệm : 31/01/2024 - 29/02/2024
- Ngày trả kết quả : 01/03/2024
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	240131.KT.003	Khí thải tại hệ thống lọc bụi (KT) (X = 1187191; Y = 411447)	Khí thải tại nguồn
2	240131.NT.001	Bể tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 1 (NT1) (X = 1187225; Y = 411490)	Nước thải
3	240131.NT.002	Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/PKQ-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240131.KT.003)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 19:2009/BTNMT
				Cột B, Kp=1 và Kv=0,8
1	Bụi (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US.EPA Method 05	32,2
				160

Chú thích: (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B, Kp=1 và Kv=0,8: - Cột B: Nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Kp: Hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với tổng lưu lượng khí thải của cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp. Kv: Hệ số vùng, khu vực ứng với địa điểm đặt các nhà máy, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp phát sinh khí thải vào môi trường không khí.
- 240131.KT.003: Khí thải tại hệ thống lọc bụi (KT) (X = 1187191; Y = 411447)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/PKQ-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240131.NT.001)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	29,0	40
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	21	150
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,08	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	55
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	32	165
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	110
7	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,11
8	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,011
9	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	0,0180	0,55
10	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,11
11	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	2,2
12	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,63	5,5
13	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	2,8	11
14	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,34	11
15	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,45	11
16	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	13,8	44

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/PK-Q-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
17	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,16	6,6
18	Clo Đu ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,64	2,2
19	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,1 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/ BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240131.NT.001: Bể tập trung nước thải của nhà máy se sợi giai đoạn 1 (NT1) (X = 1187225; Y = 411490)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/PKQ-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 240131.NT.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
1	Nhiệt độ ^(a,b)	°C	SMEWW 2550B: 2017	31,8	40
2	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	6,93	-
3	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	20	150
4	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	8,16	5,5 ÷ 9
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24	55
6	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	51	165
7	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	11	110
8	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,002)	0,11
9	Thủy ngân (Hg) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,011
10	Chì (Pb) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0010)	0,55
11	Cadimi (Cd) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,11
12	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,03)	2,2
13	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,12	5,5
14	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	3,1	11
15	Dầu mỡ động thực vật ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	2,3	-
16	Florua (F ⁻) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,36	11

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 00431/2024/TKQ-THH (24.229)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2024

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0
17	Amoni (NH ₄) ^(a,b) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,18	11
18	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	30,4	44
19	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,32	6,6
20	Clo Du ^(a,b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	KPH (MDL=0,30)	2,2
21	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,5 x 10 ²	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B, Kq=1,1 và Kf=1,0: Cột B là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- 240131.NT.002: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sợi polyester (NT2) (X = 1187006; Y = 411 490)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng